

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 01/2020/TT-BKHCN ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ (Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV) đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 01/2020/TT-BKHCN ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ (Thông tư số 01/2020/TT-BKHCN).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 01/2020/TT-BKHCN:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 01/2020/TT-BKHCN như sau:

“2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:



- a) Có trình độ tiến sĩ phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu;
- b) Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghiên cứu khoa học.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm e và bổ sung điểm g vào sau điểm e khoản 3 Điều 4 Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 01/2020/TT-BKHCN như sau:

“e) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm;

g) Viên chức thăng hạng từ nghiên cứu viên chính (hạng II) lên nghiên cứu viên cao cấp (hạng I) phải có thời gian giữ chức danh nghiên cứu viên chính (hạng II) hoặc tương đương tối thiểu đủ 06 năm. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghiên cứu viên chính (hạng II) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5 Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 01/2020/TT-BKHCN như sau:

“2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

- a) Có trình độ thạc sĩ trở lên phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu;
- b) Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghiên cứu khoa học.”.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm e và bổ sung điểm g vào sau điểm e khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 01/2020/TT-BKHCN như sau:

“e) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm;

g) Viên chức thăng hạng từ nghiên cứu viên (hạng III) lên nghiên cứu viên chính (hạng II) phải có thời gian giữ chức danh nghiên cứu viên (hạng III) hoặc tương đương tối thiểu đủ 09 năm. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghiên cứu viên (hạng III) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6 Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 01/2020/TT-BKHCN như sau:

“2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

- a) Có trình độ đại học trở lên phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu;
- b) Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghiên cứu khoa học.”.

6. Sửa đổi, bổ sung điểm đ và bổ sung điểm e vào sau điểm đ khoản 3 Điều 6 Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 01/2020/TT-BKHCN như sau:

“đ) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm;

e) Viên chức thăng hạng từ trợ lý nghiên cứu (hạng IV) lên nghiên cứu viên (hạng III) phải có thời gian giữ chức danh trợ lý nghiên cứu (hạng IV) hoặc tương đương tối thiểu đủ 03 năm. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh trợ lý nghiên cứu (hạng IV) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 01/2020/TT-BKHCN như sau:

“2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

- a) Có trình độ trung cấp trở lên phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu;
- b) Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghiên cứu khoa học.”.

8. Bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 3 Điều 7 Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 01/2020/TT-BKHCN như sau:

“d) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.”.

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 8 Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 01/2020/TT-BKHCN như sau:

“2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

- a) Có trình độ thạc sĩ trở lên thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ;
- b) Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh công nghệ.”.

10. Sửa đổi, bổ sung điểm e và bổ sung điểm g vào sau điểm e khoản 3 Điều 8 Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 01/2020/TT-BKHCN như sau:

“e) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

g) Viên chức thăng hạng từ kỹ sư chính (hạng II) lên kỹ sư cao cấp (hạng I) phải có thời gian giữ chức danh kỹ sư chính (hạng II) hoặc tương đương tối thiểu đủ 06 năm. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh kỹ sư chính (hạng II) tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.”.

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 9 Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 01/2020/TT-BKHCN như sau:

“2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

- a) Có trình độ đại học trở lên thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ;
- b) Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh công nghệ.”.

12. Sửa đổi, bổ sung điểm e và bổ sung điểm g vào sau điểm e khoản 3 Điều 9 Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 01/2020/TT-BKHCN như sau:

“e) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

g) Viên chức thăng hạng từ kỹ sư (hạng III) lên kỹ sư chính (hạng II) phải có thời gian giữ chức danh kỹ sư (hạng III) hoặc tương đương tối thiểu là 09 năm. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh kỹ sư (hạng III) tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.”.

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10 Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 01/2020/TT-BKHCN như sau:

“2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

- a) Có trình độ đại học trở lên thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ;
- b) Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh công nghệ.”.

14. Sửa đổi, bổ sung điểm đ và bổ sung điểm e vào sau điểm đ khoản 3 Điều 10 Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 01/2020/TT-BKHCN như sau:

“đ) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

e) Viên chức thăng hạng từ kỹ thuật viên (hạng IV) lên kỹ sư (hạng III) phải có thời gian giữ chức danh kỹ thuật viên (hạng IV) hoặc tương đương tối thiểu đủ 03 năm. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh kỹ thuật viên (hạng IV) tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.”.

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11 Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 01/2020/TT-BKHCN như sau:

“2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

- a) Có trình độ trung cấp trở lên thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ;



b) Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh công nghệ.”.

16. Bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 3 Điều 11 Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 01/2020/TT-BKHCN như sau:

“d) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.”.

17. Bổ cụm từ “(tác giả chính)” tại tên của mục III Phụ lục Cách tính điểm quy đổi kết quả hoạt động chuyên môn ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 01/2020/TT-BKHCN.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 12 tháng 12 năm 2022.

2. Quy định chuyên tiếp:

a) Viên chức đã được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ tại các đơn vị sự nghiệp công lập trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được xác định là đã đáp ứng quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ quy định tại Thông tư này;

b) Viên chức có chứng chỉ hoàn thành chương trình bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của các hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ trước ngày 30 tháng 6 năm 2022 theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức được xác định là đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ, được sử dụng khi tham dự kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và không phải học chương trình bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ quy định tại Thông tư này.

c) Các cơ quan, tổ chức đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đề án, kế hoạch tuyển dụng viên chức (thi tuyển, xét tuyển, tiếp nhận vào viên chức), thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện theo đề án, kế hoạch đã được phê duyệt và các quy định tại Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV và Thông tư số 01/2020/TT-BKHCN.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để được hướng dẫn hoặc xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của TW Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan TW của các Đoàn thể;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo; cổng TTĐT Chính phủ; cổng TTĐT Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Lưu: VT, TCCB.

(Handwritten initials)



Trần Văn Cường